

KINH ĐỊA TẠNG BỒ TÁT BỒN NGUYỆN (tập 3)

“NHƯ THỊ NGÃ VẤN: NHẤT THỜI PHẬT TẠI ĐAO LỢI THIÊN, VỊ MẪU THUYẾT PHÁP”.

Ở đoạn này chúng ta nói đến “nhất thời”. “Nhất thời” về ý nghĩa vẫn cần phải bổ sung thêm một chút. Có hai cách nói về thời gian ở trong Phật pháp. Cách nói thứ nhất là Sát-na-tế. Phật nói Sát-na-tế tức là thực thời, nghĩa là chân thật, cũng chính là nói chân tướng của thời gian. Một danh từ khác gọi là Tam-ma-da. Ý nghĩa của Tam-ma-da là trường thời, chính là tương tục mà chúng ta thường hay nói. Các vị xem “Kinh Kim Cang” đã nói “như lộ diệt như điện”. “Như lộ”, “lộ” là hạt sương, chúng ta hiểu thời gian của hạt sương cũng rất ngắn ngủi, hạt sương rơi xuống vào buổi sáng tinh mơ, khi mặt trời mọc thì nó liền bốc hơi. Dùng sự việc này để tỷ dụ cho trường thời, để tỷ dụ tương tục; Dùng ánh chớp để ví cho thời gian chân thật. Thời gian chân thật thì trong “Kinh Hoa Nghiêm Phẩm Thập Định” nói là Sát-na-tế, đây mới là chân thật.

Chúng ta rất khó thể hội được quan niệm Sát-na-tế. Hiện nay khoa học phát triển, dùng dụng cụ khoa học để quan sát, chúng ta có thể thể hội được một chút. Hơn nữa, thực tại mà nói, Sát-na-tế chính là hầu hết trên Kinh thường nói sanh diệt đồng thời, bởi vì thời gian sanh diệt của nó quá ngắn, tuyệt đối không phải là lục căn của chúng ta có thể cảm nhận ra được. Lục căn của chúng ta có thể cảm nhận được, nói một cách khác, phải cần thời gian tương đối dài. Vừa kích thích thì lập tức liền có phản ứng, tuy rằng nói là lập tức nhưng vẫn là thời gian rất dài. Nếu như nói sanh diệt của Sát-na-tế thì chúng ta có thể là hoàn toàn không cảm nhận được. Không những là phàm phu lục đạo chúng ta, mà người cõi thiên thông minh hơn chúng ta rất nhiều, cảm nhận nhanh nhạy hơn rất nhiều, nhưng họ cũng không cảm nhận ra được, thậm chí đến Thanh Văn, Duyên Giác, Quyền Giáo Bồ Tát. Phật ở trên Kinh nói với chúng ta, Bát Địa Bồ Tát mới có thể nhìn thấy được A Lại Da. A Lại Da chính là Sát-na-tế, phải đến Bát Địa thì định công mới đủ sâu, thì mới có thể cảm nhận được Sát-na sanh diệt. Phật thường ở trên Kinh dùng “bất sanh bất diệt” để hình dung Sát-na sanh diệt. Nếu như không có sanh diệt, vậy thì nói “bất sanh bất diệt” là phí lời rồi, không có ý nghĩa gì cả. Nói “bất sanh bất diệt” đích thực là có sanh có diệt, nhưng vừa sanh ra thì liền diệt mất, dường như là sanh diệt đồng thời, cho nên gọi là bất sanh bất diệt. Những lời này nói ra thì có ý nghĩa. “Sanh diệt đồng thời”, thời gian cực kỳ ngắn ngủi. Thời gian ngắn ngủi này,

nói lời thành thật thì khoa học kỹ thuật hiện tại tuyệt đối không thể đo lường được. Nếu khoa học kỹ thuật có thể đo lường được thì thời gian nhất định là rất dài.

Đây là “nhất thời” mà trên Kinh Phật đã nói. Câu nói này hoàn toàn là lời nói thật, chúng ta phải có thể tỉ mỉ mà thể hội, bạn hiểu được nhất thời thì bạn sẽ hiểu hết thấy pháp bất sanh bất diệt, bạn sẽ xa lìa được sự lo sợ đối với việc sanh tử, bạn hiểu được “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Tướng của hư vọng là bất sanh bất diệt, đây mới là chân tướng. Chúng ta nhìn không thấy, Bồ Tát từ Bát Địa trở lên thì mới nhìn thấy được.

“Nhất thời” ở chỗ này nếu như áp dụng trên thực tướng thì chính là lúc cơ duyên Thích Ca Mâu Ni Phật giảng Kinh đã thành thực, đây gọi là nhất thời. Cách nói này của chúng ta cũng vô cùng viên mãn. Hết thấy Kinh đều dùng dòng chữ này, nghĩa là nhân duyên Phật thuyết bộ Kinh này đã thành thực rồi.

Nhân duyên lần này của chúng ta vô cùng thù thắng, nơi giảng Kinh cũng rất hiếm có. Phật ở tại trời Đao Lợi, không phải là ở một nơi nào khác, mà Phật ở tại Đao Lợi thiên. “Phật” là chủ thành tựu, là người chủ giảng ở trong pháp hội lần này, là Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Chữ “tại” này vô cùng hay, đặc biệt là từ trên sự tướng mà nói. Nói “tại” đây cũng đều là nói lời chân thật.

Người thế gian chúng ta đã có quan niệm nhận thức sai lầm, có một quan niệm sai lầm, sai cả một đời mà tự mình không thể nhận ra được. Chúng tôi lấy một ví dụ hết sức đơn giản để nói, buổi sáng thức dậy rửa mặt, mặt có cần rửa hay không? Các vị nói xem mặt có cần rửa không? Rửa mặt là sai rồi, mà phải là rửa đi những bụi bẩn trên gương mặt, đó không phải là rửa mặt. Giặt đồ, quần áo có cần phải giặt hay không? Cũng chỉ là giặt đi những bụi bẩn bám trên quần áo. Các vị tỉ mỉ mà suy nghĩ xem, chúng ta đã có biết bao nhiêu quan niệm sai lầm rồi. Lúc học ở trên lớp lên lau bảng, bảng có cần lau hay không? Đó là lau đi những bụi phấn ở trên bảng mà thôi, làm gì có lau bảng chứ, bảng mà lau đi thì bảng cũng phải không còn nữa, vậy thì mới gọi là lau bảng chứ. Vậy thì bạn hiểu được trong cuộc sống thường ngày, các vị tỉ mỉ mà suy nghĩ, đã có biết bao nhiêu quan niệm sai lầm, đã sai một cách quá mức rồi. Mọi người đều sai, nên cho rằng đúng. Phật nói lời thành thật cho chúng ta nghe, nhưng chúng ta thì cảm thấy nó là lạ làm sao.

Chữ “tại” này là nói thật, nên nói “trụ” thì đó là giả, bạn trụ làm sao được? Hôm nay bạn dọn đến chỗ này, ngày mai dọn sang chỗ kia, làm gì mà trụ chứ? Nói thân thể này hiện tại đang ở “tại” đó thì mới đúng. Cho nên “Phật tại”. Chúng ta thực tại nói cũng là tại, hiện tại đang tại Singapore, hiện tại tại Tịnh Tông Học Hội, buổi tối thì tại Cư Sĩ Lâm, đó là “tại”. Còn “trụ” thì nghĩa là bạn ở đó không đi đâu hết, gọi là trụ, thường thường di chuyển thì gọi là “tại”.

Ở trong Phật pháp thường nói “trụ”, “trụ” nghĩa là gì? Là tâm an trú, cung điện lâu các mà bạn trú ngụ. Phật ở chỗ này nói cung điện lâu các là từ bi, tâm an trú ở trong từ bi, tâm an trú trong chánh giác, cái này gọi là trụ. Vĩnh viễn không rời khỏi thì gọi là “trụ”. Thân là thường xuyên động, nên gọi là “tại”. Cho nên từ trên sự tướng mà nói “tại”.

Phật lần này ở tại đâu? Tại “Đao Lợi Thiên”, tầng trời thứ hai của Dục giới. Người thế gian biết có trời, biết là có thiên thần, cũng rất cung kính đối với các vị thần tiên này, tôn xưng họ là Thượng Đế, người Trung Quốc thì gọi họ là Ngọc Hoàng Đại Đế, đại khái đều là nói vị chủ của Đao Lợi Thiên. Nhưng họ không biết ngoài trời vẫn còn trời. Phật nói với chúng ta, Thế giới Ta Bà có 28 tầng trời, số lượng trong mỗi tầng trời cũng là vô lượng vô biên, từ dưới lên có đến 28 tầng. 28 tầng phân chia thành tam giới: Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới. Dục Giới thì vẫn còn cái dục của việc ăn uống và nam nữ, việc này vẫn chưa đoạn, nhưng mà càng lên cao thì những việc đó càng mờ nhạt, đến Sắc Giới thì cái dục này không còn nữa. Chúng ta thường nói tài, sắc, danh, thực, thù thì người của trời Sắc Giới hết thấy đều không có, người của trời Sắc Giới không cần ăn uống, cũng không cần ngủ nghỉ, luôn luôn tỉnh táo, thiền duyệt vi thực, cho nên họ không cần ăn uống, nhưng mà họ vẫn còn sắc thân, sắc tướng. Đến Vô Sắc Giới thì đây là phạm phu bậc cao nhất ở trong lục đạo, họ ngay cả thân thể này cũng không cần đến.

Phật pháp trước khi đến Trung Quốc, thì Trung Quốc đã xuất hiện một vị đại trí huệ đó là Lão Tử. Lão Tử đã nói với mọi người: “*Ta có nỗi lo lớn vì ta có thân này*”. Ta có nỗi hoạn nạn khôn khó lớn nhất là gì? Chính là có thân thể này. Thân thể là một thứ rườm rà, là thứ phiền phức. Ngài có giác ngộ này. Lão Tử có thể sanh đến trời Vô Sắc Giới, bởi vì Ngài chán ghét cái thân thể này, chán ghét những sắc tướng này. Trời Vô Sắc Giới thì không có sắc tướng, thông thường chúng ta gọi là linh giới, đại khái chính là nói cõi trời Vô Sắc Giới, ở nơi đó là tự tại nhất, ngay cả sắc tướng cũng không có.

Đây là phân chia lớn, phân chia thành tam giới. Tam giới có 28 tầng trời, đây là một phạm vi giáo hóa của Thích Ca Mâu Ni Phật, lớn đến như vậy.

Thích Ca Mâu Ni Phật có sanh tử hay không? Xin nói với các vị là không có. Ngài là ứng hóa. Ngài xuất hiện tại thế gian này của chúng ta là dùng ứng hóa thân để xuất hiện. Chúng ta nhìn thấy Ngài có sanh có diệt, thực sự Ngài diệt rồi thì lại đến một tinh cầu khác, đến một địa phương khác lại xuất hiện để giáo hóa chúng sanh. Việc này là đại tự tại, biểu thị ra đại tự tại.

Phật nói với chúng ta, “thân” có rất nhiều cách nói. Trên “Kinh Hoa Nghiêm” nói có 10 loại thân, thông thường thì chúng ta nói có ba loại thân, nhưng nói tường tận thì là 10 loại, 10 loại quy nạp lại thì còn ba loại.

Thứ nhất là “Pháp thân”. Pháp thân là chân thân, hết thấy tất cả thân đều là từ nó mà sanh khởi, cho nên nó là một cái thân cơ bản nhất, có thể sanh ra hết thấy vạn pháp, có thể hiện cái thân tướng của chúng ta, có thể hiện tướng của quốc độ, sơn hà đại địa, hết thấy thân tướng đều là pháp thân biến hiện mà ra.

Loại thứ hai là “Trí thân”, chúng ta cũng gọi là “Báo thân”. Báo thân là thân Trí huệ, cũng chính là nói trí huệ của người đó đã khai mở rồi, trí huệ hiện tiền, đối với vũ trụ nhân sanh hết thấy vạn pháp vạn vật không gì không biết, không gì không thể.

Loại thứ ba thì gọi là “Ứng hóa thân”. Thực tại nói Ứng hóa thân có hai ý nghĩa. Ứng thân là tùy loại hiện thân, nên dùng thân gì để độ thì dùng thân đó để hiện. Cho nên Phật đến nhân gian này hay đến một nơi nào đều không có chướng ngại, tự do tự tại, muốn đến thì đến, muốn đi thì đi, đến và đi đều tự do, không giống như phàm phu chúng ta.

Phàm phu chúng ta là Nghiệp báo thân, không tự do một chút nào, hoàn toàn bị khống chế bởi nghiệp lực. Nói là bị nghiệp lực khống chế thì mọi người không dễ hiểu, chúng tôi dùng một cách khác để nói, là bị vận mệnh khống chế, bị vận mệnh chi phối, như vậy thì mọi người dễ hiểu. Cho nên nói: *“Hết thấy đều do mệnh, chẳng chút nào do người”*. Bạn nói xem việc này khổ biết bao. Mệnh là gì? Mệnh chính là nghiệp, là nghiệp báo. Trong quá khứ đã tạo thiện nghiệp thì trong đời này chúng ta được thiện báo, trong quá khứ đã tạo ác nghiệp thì đời này chúng ta nhận được chính là bất thiện báo, cho nên hết thấy thọ dụng của một đời, trong ngàn ngữ có một câu: *“Một miếng*

ăn, một giọt nước, không gì chẳng được định sẵn”, chính là đạo lý này, chân thật là không có chút gì do con người.

Phật Bồ Tát đến thế gian này cũng đến đầu thai, cũng thị hiện việc chết đi, nhưng sự sanh tử của các Ngài là tự tại, không phải do nghiệp lực, mà là nguyện lực, ở thế gian này muốn trải qua đời sống như thế nào thì sẽ sống như thế ấy, muốn trụ thế bao nhiêu năm thì sống bấy nhiêu năm. Các Ngài sanh tử tự tại, muốn lúc nào đi thì đi, muốn đến nơi nào thì đến. Các Ngài rõ rõ ràng ràng, minh minh bạch bạch, đến đi tự do. Đây gọi là nguyện lực thọ thân. Các Ngài là nguyện lực, không phải nghiệp lực. Chúng ta phải hiểu rõ những đạo lý này, sau đó mới biết được chúng ta nên học Phật như thế nào.

Làm thế nào để đem nghiệp lực của chúng ta chuyển biến thành nguyện lực? Bản lĩnh của Phật Bồ Tát là ở chỗ này. Các Ngài có thể chuyển, chúng ta cũng có thể chuyển. Bắt đầu từ chỗ nào để chuyển? Phải bắt đầu từ tâm mà chuyển, tâm chuyển rồi thì thân liền chuyển, nếu như nói chuyển từ thân mà tâm không chuyển thì không có tác dụng gì, có chuyển như thế nào thì cũng không giống. Nhất định phải từ tâm mà chuyển.

Tâm thì nói là “trụ”, không phải nói là “tại”. Trên “Kinh Hoa Nghiêm” Bồ Tát có thập trụ, đó gọi là trụ, đó là tâm trụ không phải là thân trụ. Trụ của Phật, trụ của Bồ Tát như vậy thì đúng. Ở trên Kinh Phật nói với chúng ta, trụ xứ có bốn loại. Bốn loại này đều chính xác. Hai loại trước vẫn còn nằm trong lục đạo, chưa ra khỏi lục đạo.

Loại thứ nhất là “Thiên trụ”. Thiên trụ chính là bặt vào đời sau nhất định có thể sanh vào trời Đục giới. Trời Đục giới có sáu tầng trời, sau này chúng tôi sẽ giới thiệu một cách đơn giản cho các vị hiểu. Thiên trụ chính là tâm an trụ trong “Thập Thiện Nghiệp Đạo”. Bồ thí, Trì giới, tu Thập Thiện Nghiệp Đạo, đời sau bạn nhất định sẽ được sanh đến thiên giới, phước báo thì nhiều hơn người ở thế gian chúng ta rất nhiều, hưởng thiên phước.

Loại thứ hai gọi là “Phạm trụ”. Phạm trụ là tu thiền định, tu tâm thanh tịnh, hết thấy dục niệm đã tan nhạt, đối với ngũ dục lục trần đều xem rất nhẹ, trong tâm thì tràn đầy từ bi hỷ xả. Từ là đem niềm vui đến cho người, khiến người vui vẻ, giúp người được vui. Bi là bặt trừ cái khổ cho người. Chúng sanh có khổ nạn, giúp đỡ họ giải quyết khổ nạn. Hỷ là nhìn thấy người khác được phước, được lợi ích, tuyệt đối không có tâm đố kỵ, mà sanh tâm hoan hỷ. Xả là vạn duyên có thể buông bỏ được. Tâm thường an trú trong từ bi hỷ xả, thì sẽ sanh lên trời Sắc giới. Việc này trú ở trong tam giới được xem

là chính đáng. Nhưng con người chúng ta hiện nay không như vậy, con người hiện tại tâm an trú ở đâu? Tâm an trú ở trong tham, sân, si, mạn. Việc này thì nguy quá rồi. An trú ở trong tham sân si mạn, an trú ở trong sát, đạo, dâm, vọng, thì quả báo là ở tam đồ, cho nên họ không phải là Thiên trụ, không phải là Phạm trụ, mà là quỷ trụ, địa ngục trụ, súc sanh trụ, họ làm những việc này. Chúng ta đối với những lý và sự này rõ ràng rành rành, minh minh bạch bạch, phải biết được tâm nên an trú ở đâu, tương lai sẽ sinh ra hậu quả gì? Nó rất đáng sợ.

Loại thứ ba là “Thánh Trụ”. Thánh trụ chính là trụ ở trong “Tâm Bồ Đề”. Bậc Thánh có Tiểu thừa, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát. Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát tuy không đồng, nhưng họ cũng có điểm chung đó là tâm nhất định trụ ở trong Tam muội.

Loại thứ 4 là “Phật trụ”. Trụ ở trong Phật sở trụ. Quả nhiên nhập vào cảnh giới này, bạn là ở địa vị thập trụ Bồ Tát. Chân thật học Phật nhất định phải an trong Phật trụ. Phật trụ ở tại đâu? “Đại tam không tam muội”: Không, vô tướng, vô nguyện. Vô nguyện cũng gọi là vô tác. Nếu như áp dụng vào trong Tịnh Tông, thì an trú ở trong niệm Phật Tam Muội. Những cảnh giới khác rộng sâu vô bờ mé, chúng ta rất khó thể hội, không bằng y chiếu theo giáo huấn của Phật, chúng ta đem tâm an trú ở trong “niệm Phật Tam Muội”. Việc này tương đối dễ học. Niệm Phật là nhân, thành Phật là quả, việc này thực là vô cùng thù thắng hiếm có.

Trên đây là nói về ý nghĩa của hai chữ “tại” và “trụ”.

Hôm nay Phật tại Đạo Lợi thiên làm gì? “*Vị mẫu thuyết pháp*”. Nếu y theo trong “Tăng Nhất A Hàm” nói, lần pháp hội này là do Đế Thích Thiên vương, tức là chủ của Đạo Lợi Thiên đã khai thỉnh. Đạo Lợi Thiên chủ rất thông minh, rất có trí huệ, Ngài nói hết thầy chư Phật quá khứ đều đã từng đến trời Đạo Lợi để vì mẹ mà thuyết pháp, để báo ân sinh thành của mẫu thân, Thế Tôn thành Phật rồi, đương nhiên cũng không thể nào ngoại lệ. Thế Tôn nhận sự khai thỉnh của Đạo Lợi Thiên chủ, đã đến Đạo Lợi Thiên để mở lần pháp hội này. Nhân duyên này rất sâu, câu chuyện cũng rất dài, kể chuyện thì sẽ lơ là đi việc giảng Kinh, cho nên chúng tôi đã đem câu chuyện này lược bớt đi, nhưng cũng không thể không biết.

Mẫu thân của Phật là Ma Da phu nhân, thực sự mà nói cũng là đại quyền thị hiện, đều là Phật Bồ Tát tái lai. Mỗi một người ở trên nhân địa phát nguyện không như nhau, phu nhân phát nguyện sẵn lòng đời đời kiếp kiếp làm thân phận nữ nhân, muốn làm

mẫu thân của Phật. Phu nhân đã phát nguyện này, bởi vì con trai của phu nhân là Phật, nên người mẹ này phước báo rất lớn. Việc này đều là biểu diễn ra một tấm gương cho chúng ta xem. Phước báo lớn nhất, hoàn toàn là y theo phước sanh đến Đạo Lợi Thiên, nhưng từ Dạ Ma thiên trở lên thì không được.

Các vị hãy xem, trong nhà Phật gọi là Phật sự siêu độ, thì Lương Hoàng Sám là vô cùng thù thắng. Lương Hoàng là Lương Võ Đế. Lương Võ Đế khai thỉnh Bảo Chí Công làm Phật sự siêu độ cho phu nhân của ông, cho nên gọi là Lương Hoàng Sám. Phi tử của Lương Võ Đế khi còn sống đã tạo ác nghiệp và đọa vào ác đạo. Bảo Chí Công là một cao tăng đặc đạo. Bảo Chí Công là ai? Là Quan Thế Âm hóa thân ra. Bạn xem còn gì bằng! Quan Thế Âm Bồ Tát đích thân chủ trì pháp hội này, chủ trì Phật sự siêu độ này, nhưng cũng chỉ có thể siêu độ được Phi tử của ông lên đến Đạo Lợi Thiên. Các vị phải hiểu được, chư Phật Như Lai siêu độ cũng chỉ có thể siêu độ được đến Đạo Lợi Thiên, muốn lên cao hơn nữa thì tự mình phải có công phu tu hành, không có công phu tu hành thì không được. Hiểu rõ được chân tướng sự thật này thì những năm còn lại trong cuộc đời hãy nên chăm chỉ tu hành, bạn không tu hành mà chỉ nhờ vào người khác, dù người đó có bản lĩnh như thế nào cũng chẳng qua chỉ độ đến Đạo Lợi Thiên mà thôi. Nếu như là phàm phu đến để chủ trì Phật sự siêu độ thì hiệu quả càng nhỏ bé hơn rất nhiều, chỉ có thể nói là làm thì tốt hơn là không làm, còn hiệu quả như thế nào thì rất khó nói. Ngày nay bạn đi đâu để tìm ra một vị cao tăng đặc đạo chân chánh, đi đâu tìm Phật Bồ Tát tái lai? Cho nên phải hiểu đạo lý này, sau đó chúng ta tự mình mới chân thật nắm chắc lấy thời gian, một tác thời gian một tác mạng sống, phải chăm chỉ nỗ lực.

Làm mẹ của Phật thì phước báo lớn đến như vậy mà cũng chỉ là sanh đến Đạo Lợi Thiên. Từ Đạo Lợi Thiên trở lên cần phải có định công, cần phải có tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh thành tựu được công đức chân thật. Công đức đó ít, mỏng manh, dục vẫn chưa đoạn. Ý niệm về dục vẫn chưa đoạn thì sanh bốn tầng trời đầu tiên trong Dục Giới, nhà Phật thì nói là “vị đáo định”, nghĩa là bạn tu định chưa đạt, nhưng mà có tu. Ví dụ Đệ Tứ Thiên, nếu công phu thiền định được 100 điểm thì mới có thể đến được đệ tứ thiên, đệ tam thiên phải được 90 điểm, nhị thiên phải được 80 điểm, sơ thiên phải được 70 điểm. Công phu của bạn là từ 60 điểm trở xuống, cho nên Sắc Giới thì bạn không có phần. Nhưng bạn có tu, công phu thiền định của bạn có thể có 60 điểm, 50 điểm, 40 điểm, bạn có công phu này, bạn không phải là 0 điểm. Bạn hoàn toàn không có tu, bạn chuyên tu phước, tu bố thí, trì giới, tu “Thập Thiện Nghiệp Đạo”, không có định công, chưa có xả bỏ được ý niệm dục tình, bạn có thể sanh vào Tứ

Vương thiên hoặc Đạo Lợi Thiên. Có một chút định công, tâm địa có một chút thanh tịnh, mới có thể sanh được đến Dạ Ma, Đâu Suất, Tha Hóa thiên, Tha Hóa Tự Tại thiên. Phước báo trên các tầng trời thì càng lên càng lớn, càng lên cao thì thọ mạng càng dài, chân thật là hưởng phước vô tận. Nhưng dù tuổi thọ có dài hơn đi nữa, cũng có lúc báo tận, cũng chính là có lúc sẽ hưởng hết. Sau khi hưởng hết rồi thì phải tùy nghiệp mà lưu chuyển. Do vậy sanh thiên không phải là pháp cứu cánh, vẫn là không bằng niệm Phật vãng sanh Thế giới Cực Lạc.

Sanh đến Thế giới Cực Lạc là Vô Lượng Thọ, nói một cách khác, vĩnh viễn bất sanh bất tử, không những Dục giới thiên không thể sánh bằng mà Sắc giới và Vô Sắc Giới thiên cũng không thể sánh bằng. Cho nên hết thầy chư Phật đều tán thán A Di Đà Phật, tán thán Thế giới Cực Lạc, đạo lý là ở chỗ này.

Câu Kinh văn “vị mẫu thuyết pháp” này, tuy rằng pháp hội là do Đấng Thích thiên chủ đến khai thỉnh, nhưng ý nghĩa rất sâu. Thứ nhất là để tránh việc thế gian có một số người hiểu lầm đối với Phật pháp. Người học Phật, đặc biệt là những người phát tâm xuất gia, thế phát xuất gia, dường như kể từ đó về sau cũng không chăm sóc cho cha mẹ. Người thế gian cho rằng như vậy là bất hiếu, đặc biệt là người Trung Quốc có câu: *“Bất hiếu có ba, không người nói dối là lớn nhất”*. Cha mẹ nương dựa vào bạn làm người nói dối, bạn đi xuất gia thì vấn đề nói dối sẽ đoạn dứt, làm sao để không có lỗi đối với cha mẹ tổ tiên? Người thế gian không biết việc xuất gia là đại hiếu, đây là ý nghĩa thứ nhất. Ý nghĩa thứ hai cũng là làm ra một tấm gương cho tứ chúng đệ tử học tập. Nam xuất gia, nữ xuất gia, nam chúng, nữ chúng, tứ chúng đệ tử khởi phát cái tâm hiếu của chính mình, để cho họ thế hội được một câu ở trong Tam Phước là hiếu dưỡng phụ mẫu. Trong nhà Phật mặc dù đi xuất gia nhưng cũng không thể ngay cả cha mẹ cũng không chăm lo, đây là không có đạo lý, nhưng hình thức hiếu dưỡng thì không giống nhau. Chăm chỉ tu trì, y giáo phụng hành theo những lời Phật dạy, lấy công đức này hồi hướng cho cha mẹ, cha mẹ có thể được chư Phật hộ trì, thiện thần bảo hộ, đây mới là hiếu chân thật. Người thế gian hiếu thuận cha mẹ thì thuê vài người làm để chăm sóc cho cha mẹ, còn đệ tử Phật thì khiến thiên long thiện thần đến chăm lo cho cha mẹ, như vậy sẽ còn chu đáo hơn việc bạn thuê người khác đến chăm sóc rất nhiều. Nhưng nếu như bản thân bạn không có tu trì, thì thiên long thiện thần không bảo hộ bạn, còn xem thường bạn. Bạn chân thật tu hành, có đạo có đức, cảm động thiên long thiện thần tự nhiên sẽ đi chăm sóc, không cần bạn phải cầu họ, cũng không cần bạn phải thông báo với họ, tự nhiên họ sẽ đến chăm lo. Vì sao vậy? Vì tôn kính bạn, tôn kính cha mẹ của bạn, cho nên mới có tấm lòng này.

“NHĨ THỜI, THẬP PHƯƠNG VÔ LƯỢNG THẾ GIỚI, BẤT KHẢ THUYẾT, BẤT KHẢ THUYẾT. NHẤT THIẾT CHƯ PHẬT, CẬP ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT, GIAI LAI TẬP HỘI”.

Đoạn Kinh văn này là đề tựa phát khởi của bản Kinh. Kinh này tổng cộng 13 phẩm, phẩm đầu tiên chính là phẩm đề tựa, nhưng lại không nói là phẩm đề tựa, mà tựa đề là “Đạo Lợi Thiên Cung Phẩm”. Trên thực tế, phẩm này là phần lời tựa của Kinh. Ý nghĩa bên trong phần lời tựa này vô cùng chu toàn và viên mãn. Phía trước là sáu loại thành tựu, đây là chứng tín tự, từ đoạn Kinh văn này về sau là phát khởi tự của Kinh văn này. Trong phát khởi tự nói với chúng ta rất rõ ràng, hàm nhiếp có Giáo, Lý, Hành, Quả. Trong khoa chú đoạn này là “Quả Nhân Tập Tán”. Những chỗ này chúng ta phải đặc biệt chú ý, phải biết học tập như thế nào.

Phật thuyết pháp trước tiên đem quả báo mở bày ra cho mọi người xem, y theo quả báo này mà sanh khởi tín tâm, sau đó lại giải thích cho bạn quả báo hình thành như thế nào? Lại nói nhân với bạn thì bạn sẽ chăm chỉ lắng nghe, bạn rất muốn biết. Đây là thiện xảo phương tiện khi thuyết pháp, chúng ta phải hiểu. Cho nên nói quả nhân, Ngài không nói nhân quả. Vừa mới bắt đầu đầu đã mở bày ra điều gì? Bảo bạn xem những nhân vật tham gia đại hội, đây là “Quả”, đây là người, người là quả người, là do quả đức của Ngài đã cảm động nhiều người như vậy cùng đến tham gia pháp hội. Trước khi Phật giảng Kinh đã hiện tướng lành, hiện ra chùng chùng các loại quang minh. Cái tướng lành này là “Lý”. Văn Thủ Bồ Tát nhìn thấy hiện tượng này sanh khởi nghi hoặc, đây là đại biểu “Hành”. Thế Tôn và Bồ Tát một người hỏi một người trả lời. Văn Thủ hỏi, Thế Tôn giải đáp cho Ngài, đây là “Giáo”. Cho nên trong phần đề tựa chúng ta nhìn thấy có giáo, lý, hành, quả. Lần tụ hội này là quả báo. Giống như “Kinh Hoa Nghiêm”, vừa mở đầu, giảng nói về sự Y Chánh Trang Nghiêm của Tỳ Lô Giá Na Phật. Quả báo được bày ra để cho bạn xem.

Chỗ này hiển hiện ra bất khả tư nghì, các bạn ở trong bộ Kinh nào mà nhìn thấy được Kinh văn như vậy? “Nhĩ thời”, Phật đến Đạo Lợi Thiên cung, vì mẫu thân mà thuyết pháp. “Thập phương vô lượng thế giới bất khả thuyết, bất khả thuyết hết thảy chư Phật”, các bạn ở trên Kinh nào nhìn thấy được khi Phật giảng Kinh mà hết thảy chư Phật đến nghe chưa? Chưa từng thấy qua. Cảnh tượng này thật quá sức tưởng tượng, “Kinh Hoa Nghiêm” cũng không có cảnh tượng như vậy, “Kinh Vô Lượng Thọ” cũng không có cảnh tượng như vậy, vô cùng hy hữu, không thể xem qua một cách hàm hồ

qua loa được. Thông thường chúng ta nói: “*Một Phật ra đời, nghìn Phật ủng hộ*”, đó là chư Phật hóa hiện ra thành Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát đến giúp Phật hoằng hóa. Nhưng chỗ này thì không phải vậy, chư Phật dùng thân phận của Phật mà đến. Thích Ca Mâu Ni Phật hôm nay giảng “*Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện Kinh*”, hết thầy chư Phật đều đến để nghe. Các bạn xem, số người này là “*vô lượng thế giới bất khả thuyết, bất khả thuyết hết thầy chư Phật cập đại Bồ Tát Ma Ha Tát*”. Đại Bồ Tát Ma Ha Tát là chư Phật đưa đến, là theo chư Phật đến, cùng đi với Phật mà đến. Không thể kể không thể nói số lượng chư Phật thì số lượng Bồ Tát càng nhiều hơn. “*Giai lai cập hội*”, là cùng đến dự hội. Đoạn Kinh này quyết định không thể nào xem một cách sơ sài qua loa được, bạn phải tỉ mỉ mà suy nghĩ. Thế Tôn cả đời 49 năm, đã giảng hơn 300 hội, không có hội nào thù thắng như vậy. Đây là người tham dự pháp hội, là quả. Bốn phần của Kinh này là giáo, lý, hành, quả.

Các Ngài vì sao mà đến? Không có một vị Phật nào mà không báo ân của mẫu thân. Hôm nay Thích Ca Mâu Ni Phật không phải giảng một pháp nào khác, mà là giảng “*Địa Tạng pháp*”, chứng tỏ hết thầy chư pháp đều y theo đại địa mà sinh, y theo đại địa mà khởi. Đây là căn bản. **Địa Tạng đại biểu cho điều gì? Đại biểu hiệu thân tôn sư.** Cho nên thuyết pháp hiệu thân tôn sư thì hết thầy chư Phật nhất định tự mình sẽ đến tham gia. Chư Phật đến để ảnh hưởng chúng. Đạo Lợi Thiên vương ở trong pháp hội lần này làm công đức chủ, phước báo của Ngài tu được thật quá lớn, mời Phật đến Đạo Lợi Thiên giảng “*Kinh Địa Tạng*”. Việc tu phước này rất lớn. Hết thầy tất cả chư Phật Như Lai đều tề tựu, không thiếu một vị nào, một nhân duyên vô cùng hy hữu. Các Ngài đến để làm gì? Để đề xướng hiếu đạo. Vừa gặp mặt Phật liền tán thán Thích Ca Mâu Ni Phật. Việc tán thán này ý nghĩa cũng viên mãn đến cùng cực.

“TÁN THÁN THÍCH CA MÂU NI PHẬT, NĂNG Ư NGŨ TRƯỚC ÁC THỂ, HIỆN BÁT KHẢ TƯ NGHỊ ĐẠI TRÍ TUỆ THẦN THÔNG CHI LỰC. ĐIỀU PHỤC CANG CƯỜNG CHÚNG SANH, TRI KHỔ LẠC PHÁP”.

Những lời này không dễ gì nói ra. Nếu không phải là chư Phật Như Lai chính mình tuyên thuyết thì các vị Bồ Tát cũng không thể nói ra được. Vì sao vậy? Họ không nhập cảnh giới này thì sao họ có thể nói ra được? Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện ở thời đại nào? “**Ngũ trước ác thể**”. Xã hội hiện tại của chúng ta có thể nói “ngũ trước ác”, dường như là phạm phu ngu muội vô tri nhất cũng đều có thể cảm nhận được. Ngày trước, 50 năm về trước, 100 năm về trước, loại hiện tượng ngũ trước ác thể này thì

người có trí huệ cao độ mới có thể cảm nhận được, người bình thường cảm nhận không được. Thế gian rất tốt, cũng không tệ, cuộc sống của tôi rất vui vẻ, họ không cảm nhận được sự trược ác. Trược là sự ô nhiễm, nửa thế kỷ về trước, chúng ta không có nghe nói ở đâu đó bảo vệ môi trường, không có nghe nói qua danh từ này. Hay nói cách khác, sự ô nhiễm đối với môi trường vẫn có thể nhẫn chịu được. Đến khi có đề xuất bảo vệ môi trường, sự ô nhiễm môi trường đã khiến con người cảm thấy khó chịu, cả thế giới mỗi một chính phủ đều đang đề xướng, nói cách khác, sự trược ác này đã đến mức độ tương đối nghiêm trọng rồi, nên mới có danh từ này xuất hiện.

“Ngũ” là năm loại lớn, là năm loại lớn ô nhiễm nghiêm trọng, trong Kinh Phật xưng là “ngũ trược ác thế”.

Ngũ trược, thứ nhất là “*kiếp trược*”. Kiếp là nói thời gian, chúng ta hiện nay nói là năm thì không đúng rồi, đây là từ trên thời tiết nhân duyên mà nói, thực tại nói thời gian thì có sự ô nhiễm gì? Ý nghĩa ở đây là một thời đại ô nhiễm nghiêm trọng. Hơn nữa, nói thời đại ô nhiễm là bốn loại ô nhiễm ở phía sau.

“*Kiến trược*”, kiến là kiến giải, tư tưởng, kiến giải sai lầm, trong nhà Phật nói “tà tri tà kiến”, cách nhìn sai lầm đối với chân tướng vũ trụ nhân sinh, chính là ô nhiễm ở trên kiến giải.

Kế đến là “*phiền não trược*”, dùng lời nói của người hiện nay chính là ô nhiễm từ trên tư tưởng. Hai cái này hợp lại chính là ô nhiễm của tâm lý, tinh thần bị ô nhiễm. Việc này thì nghiêm trọng rồi. Do vì tâm lý, tinh thần bị ô nhiễm, tất nhiên sẽ gắn liền với sinh lý, gắn liền với sự ô nhiễm của hoàn cảnh sinh sống của chúng ta, đó gọi là “chúng sanh trược”.

“*Chúng sanh trược*”, dùng lời hiện nay mà nói thì chính là sự ô nhiễm môi trường sống. Sinh thái của địa cầu ngày nay đã mất đi sự cân bằng, khí hậu bất thường, tai nạn thiên nhiên, đều là thuộc về chúng sanh trược.

“*Mạng trược*”, dùng lời hiện tại để nói là ô nhiễm sinh lý.

“Ngũ trược”, nếu dùng lời hiện tại để nói thì mọi người dễ hiểu, hai loại kiến giải phía trước bị ô nhiễm, tư tưởng bị ô nhiễm, hợp lại thì chính là ô nhiễm của tâm lý, ô nhiễm của tinh thần. Chúng sanh trược là ô nhiễm của hoàn cảnh sống, mạng trược là ô nhiễm của sinh lý, đây gọi là “trược”.

“Ác” là thập ác. Hết thấy chúng sanh không làm việc tốt, thân thì tạo sát, đạo, dâm; khẩu thì vọng ngữ (vọng ngữ chính là không nói lời thật, lừa gạt người khác), lưỡng thiệt (lưỡng thiệt gọi là khiêu khích thị phi), ác khẩu (là lời nói thô lỗ), ý ngữ (là hoa ngôn xảo ngữ lừa phỉnh chúng sanh); ý nghiệp, trong tâm là tham sân si mạn. Làm những việc này gọi là ác, trước ác.

Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện ở trong thời đại như vậy. “Hiện” là thị hiện. “**Thị hiện bất khả tư nghị đại trí huệ**”. Câu này chính là Phật xuất hiện tại thế gian này, làm ra một hình mẫu cho chúng sanh xem. Hình mẫu gì vậy? Hình mẫu đại trí huệ, hiện nay chúng ta nói là làm gương mẫu, làm tấm gương tốt cho xã hội đại chúng, làm mô phạm, làm hình mẫu cho xã hội đại chúng. Ở trong ngũ trước ác thế, Ngài có thể thị hiện như vậy thì hết thấy chư Phật đều tán thán, tán thán Phật ở trong đời ác thế vì chúng sanh mà làm ra tấm gương tốt, làm gương mẫu tốt.

“**Thần thông chi lực**”, bốn chữ này là nói Ngài biểu hiện ra bên ngoài. “Bất khả tư nghị đại trí huệ”, đây là ở bên trong. Biểu hiện ra bên ngoài chính là giúp đỡ xã hội này, giúp đỡ hết thấy chúng sanh, nói ra sức mạnh năng lực của Ngài. “Thông” là thông đạt, Ngài không có điều gì mà không biết. Thế gian hết thấy sự vật, đạo lý, nhân quả, hiện tượng, biến hóa, không gì không biết không gì không thể, đây gọi là thần thông. Thần chính là thần kỳ cao siêu, vượt qua tri thức của phàm phu chúng ta. Thần thông này không phải nói như Tôn Ngộ Không 72 phép thần thông, không phải là ý như vậy, vậy thì bạn đã giải sai ý nghĩa rồi. Phật mọi thứ đều thông đạt, nói một cách khác, xã hội chúng ta ngày nay đủ loại nghi nan tạp chứng thì Phật không có điều gì mà không biết, Ngài có năng lực giúp đỡ chúng ta giải quyết những khó khăn này.

“**Điều phục cương cường chúng sanh**”. Cư sĩ Duy Ma đã từng nói: “*Chúng sanh Diêm Phù Đề cương cường khó giáo hóa*”. Cương cường, tính cách cương cường, kiên cố chấp trước, rất khó tiếp nhận đối với những lời giáo huấn của Phật. Ở trong xã hội hiện thực của chúng ta, chúng ta đã nhìn thấy việc bài xích Phật pháp, chướng ngại sự giáo học của Phật pháp, hiện rõ sự cương cường. Bản thân họ không chịu nghiên cứu Phật pháp. Phật pháp rốt cuộc là gì họ cũng không biết, họ chụp mũ đổ tội là mê tín, tiêu cực, lạc hậu, liền dẹp Phật pháp sang một bên. Họ không biết đây là vật bảo, chân thật có thể giải quyết được vấn đề của ngũ trước ác thế.

Bốn chữ sau cùng này thật quá hay: “**Tri khổ lạc pháp**”. Bốn chữ này không dễ gì nói ra được. Chúng sanh khổ, vì sao khổ? Chúng sanh mong cầu điều vui, vì sao lại không đạt được? Con người trên toàn thế giới có một người nào mà không chịu khổ? Ai mà không mong cầu niềm vui? Khổ từ đâu mà đến? Vui từ đâu mà đến? Không có ai biết cả. Làm sao thì chúng ta mới có thể lìa khổ? Làm sao thì chúng ta mới có thể được vui? Những lý luận phương pháp này cũng không có người nào biết, nhưng Thích Ca Mâu Ni Phật biết. Thích Ca Mâu Ni Phật ở trên Kinh giáo đã nói rất rõ ràng, rất minh bạch, nếu như chúng ta muốn lìa khổ được vui thì Kinh điển Đại Thừa là chỉ dẫn tốt nhất, chỉ đạo chúng ta, dẫn dắt chúng ta. Mục tiêu dạy học của Phật pháp chính là dạy chúng ta “lìa khổ được vui”.

Sự tán thán của chư Phật đối với Thích Ca Mâu Ni Phật cũng là đem quả để lên đầu tiên, gây sự chú ý cho người. Hai đoạn Kinh văn này, nếu như tâm địa thanh tịnh, cảm xúc nhanh nhạy, nhìn thấy hai đoạn Kinh văn này không ai không rợn tóc gáy, vô cùng hy hữu. Có ai mà khi mở pháp hội lại có thể khiến hết thầy chư Phật đến nghe, người nào có thể nhìn thấy được chư Phật Như Lai, nhận được sự tán thán bất khả tư nghị như vậy? Chư Phật tán thán Thích Ca Mâu Ni Phật, thực tại chính là chư Phật tán thán lẫn nhau, chúng ta phải hiểu đạo lý này, Phật Phật đạo đồng. Hay nói cách khác, chỉ có chư Phật Như Lai mới chịu đến ngũ trược ác thế này để thị hiện. Đây chính là tinh thần của Địa Tạng Bồ Tát, ta không vào địa ngục thì ai vào địa ngục. Địa ngục là khổ nhất. Những chúng sanh khổ nạn này nếu ta không đi giúp đỡ họ thì ai đi giúp đỡ họ? Càng là nơi khổ nạn, thì bi tâm của Phật Bồ Tát càng lớn, càng muốn đi đến những nơi này để dạy bảo, giúp đỡ mọi người. Chỉ cần những chúng sanh khổ nạn này chịu tiếp nhận thì Phật Bồ Tát liền đến, không chịu tiếp nhận thì Phật Bồ Tát có muốn giúp đỡ cũng không có cách nào. Có thể tin, có thể giải, có thể học, thì Phật Bồ Tát nhất định sẽ xuất hiện ở thế gian này.

Hôm nay hội này của chúng ta vì sao lại ở tận Singapore này chứ không ở một nơi nào khác? Chúng tôi không có thiên vị, không có lòng riêng tư, cũng không phải là tham ái cái nơi này, mà hoàn toàn là do duyên phần nơi này đã thành thực rồi. Duyên gì vậy? Người ở địa phương này có thể tin, có thể giải, có thể hành. Bốn điều kiện tín giải hành chứng nơi này đã có. Mười mấy năm nay chúng tôi ở nơi đây hoằng dương Tịnh Độ, khuyến bảo mọi người niệm Phật cầu sanh Tây Phương Thế giới. Trong nhiều năm như vậy, những khu vực như Singapore, Malaysia, người niệm Phật vắng sanh thường nghe nói, thường thường nghe thấy. Cư sĩ Lý Mộc Nguyên vô cùng nhiệt tâm, rất nhiều đồng tu niệm Phật vào lúc lâm chung đại đa số đều mời cư sĩ Lý Mộc

Nguyên đi trợ niệm, đi giúp đỡ họ lo liệu hậu sự, ông cũng nhìn thấy thoải mái tốt đẹp quá nhiều rồi. Ngày nay Lý Mộc Nguyên phát tâm như vậy, ông là chính mắt nhìn thấy, chính tai nghe được, niệm Phật vãng sanh bất thoái thành Phật là thật chứ không phải giả. Ông đã làm một cách nghiêm túc như vậy, nhiệt tâm như vậy, tín nguyện ấy của ông không phải phát ra một cách vô căn cứ, mà là nhìn thấy sự thật mới phát khởi ra.

Pháp khổ vui của tam đồ lục đạo thì duy chỉ có Phật mới biết được thấu triệt, biết được triệt để, biết được một cách cứu cánh, cho nên Phật có năng lực giúp đỡ chúng ta giải quyết vấn đề, giúp đỡ chúng ta lìa khổ được vui. Hai đoạn Kinh văn này quyết định không thể nào lơ là, đây là diệu pháp mà chư Phật Như Lai đồng thanh tuyên thuyết, vô thượng diệu pháp. Đoạn Kinh văn này chúng ta có thể xem như là tổng cương lĩnh mà Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện tại thế gian này giảng Kinh hơn 300 hội, thuyết pháp 49 năm. Phật xuất hiện tại thế gian này để làm gì? Là để làm việc này.

Sau khi tán thán, các vị lại xem phần Kinh văn tiếp theo:

“CÁC KHIÊN THỊ GIẢ, VẤN TÁN THẾ TÔN”.

Đây là lễ phép, Phật phái thị giả của các Ngài đến hỏi thăm Thích Ca Mâu Ni Phật. Đây là lễ tiết, và cũng là làm ra một tấm gương cho người khác xem. Lễ không thể bỏ qua, con người mà vô lễ thì ở tại thế gian này sẽ không có chỗ đứng. Nhưng người hiện nay đã lơ là lễ tiết, thực tại mà nói, dù việc tu học Phật pháp có tốt hơn đi nữa thì quả báo là ở đâu vậy? Quả báo không ở trong nhân đạo, đa số đều ở quỷ đạo. Sau này khi giảng đến những quý vương này, sẽ đem cái nhân của quý vương nói rõ với các vị thì các vị sẽ hiểu. Tu hành Phật pháp vô cùng tốt, nhưng cống cao ngã mạn, không có lễ tiết, tương lai quả báo thọ nhận được là quý vương ở trong quỷ đạo, làm những vị Khí thế gian chủ ở trong Thế chủ mà Kinh Hoa Nghiêm đã nói như thần núi, thần cây, thần hoa, thần nước, làm những loại thần như vậy, sẽ đi về hướng của những nơi này. Phật pháp được xây dựng trên nền tảng của hiếu kính, làm thế nào khuyên các vị đồng tu muốn giác ngộ, thì hiếu thân tôn sư chúng ta mới có thể đi đến Phật đạo, đi đến Cực Lạc Thế giới. Nếu như không có ý niệm này, thì việc tu học Phật pháp sẽ đi về quỷ đạo làm quý vương. Nếu như bạn thù thắng hơn thì bạn có thể đi đến thiên đạo. Thiên đạo này là trời Dục Giới, trời Sắc Giới thì bạn không có phần. Phải nên hiểu được, ở chỗ này dạy kính, dạy lễ.

“THỊ THỜI NHƯ LAI HÀM TIỂU, PHÓNG BÁCH THIÊN VẠN ỨC ĐẠI QUANG MINH VÂN”.

Chỗ này là hiện thoại tương, ở trong “quang minh vân” là hiển lý, phóng quang. Chúng sanh lợi căn nhìn thấy được ánh quang minh, tất cả những giáo học của Phật họ đều hiểu rõ, không cần phải dùng lời để nói. Quang minh biểu thị trí huệ. “*Bách thiên vạn ức đại quang minh vân*” chính là vô lượng vô biên trí huệ, một Sát-na-tế toàn bộ đều hiển hiện ra, không cần thời gian dài, trong thời gian một sát-na thì đã đem vô lượng vô biên trí huệ hiển hiện ra ở trước mặt hết thảy đại chúng.

“**Thị thời**” chính là chư Phật Như Lai tán thán, chính là lúc mà các Ngài phái các thị giả của mình đến thăm hỏi Thích Ca Mâu Ni Phật.

Thế Tôn “**mỉm cười**”, phóng hào quang biểu pháp. Hào quang từ đâu mà ra vậy? Là quang minh Bát nhã vốn có ở trong chân như bản tánh. Phật vì chúng sanh thuyết hết thảy pháp, lấy điều này làm căn cứ. Phật thuyết hết thảy pháp là từ đâu mà nói ra? Là từ tự tánh vốn có đầy đủ mà lưu lộ ra bên ngoài. Hôm nay đem căn cứ để nói hết thảy pháp trong thoáng chốc hiển bày ra cho mọi người xem.

“**Trăm nghìn vạn kiếp**” nói cũng không hết, cho nên phía sau đã lược ra vài điều, nói tương tận thì nói không hết, lược lấy mười điều. Tuy là lược lấy nhưng các vị phải hiểu cách biểu pháp giống như “Kinh Hoa Nghiêm”, bất kỳ một câu nào cũng đều có đầy đủ quang minh vân trăm nghìn muôn kiếp, một tức tất cả, tất cả tức một, cho nên chúng ta nghe Kinh nghe pháp, người giảng nếu như là dùng tấm lòng chân thành, dùng lòng cung kính, thì sẽ khởi tác dụng cảm ứng với ánh quang minh của Phật, Phật quang sẽ soi chiếu đạo tràng này, chính là đại quang minh vân sẽ chiếu rọi trên không của đạo tràng này, bên dưới người giảng, người nghe đều sanh vô lượng tâm hoan hỷ. Không phải là người đó giảng hay nói diệu, người hiện nay nói là từ trường không như nhau, đây là Phật đã gia trì, từ bi gia trì, dùng quang minh nhiếp thọ. Tách biệt ra để nói.

Đầu tiên là:

“**ĐẠI VIÊN MÃN QUANG MINH VÂN**”.

“Đại viên mãn” là điểm chung trong những điều khác biệt. “Viên mãn” chính là một to hào khiếm khuyết cũng không có, chính là toàn bộ tánh đức lưu lộ ra. Hết thấy chúng sanh này vì sao mà khởi cảm ứng đạo giao? Vì tâm chúng sanh và tâm Phật không hai không khác? Khác biệt là ở chỗ nào? Chúng sanh đang mê, Phật thì đang giác. Giác là tâm tánh, mê cũng là tâm tánh. Tâm tánh thì không có giác - mê. Chúng sanh thì thường nói có hữu tình chúng sanh, ngày nay chúng ta nói là động vật, chúng sanh hữu tình ở trong chín pháp giới; ngoài chúng sanh hữu tình ra thì còn có chúng sanh vô tình, ngày nay chúng ta nói là thực vật, khoáng vật, đều là trong tự tánh biến hiện ra. Trên “Kinh Hoa Nghiêm” nói: “*Tình dữ vô tình đồng viên chủng trí*”. Viên là viên mãn, đồng viên chủng trí nghĩa là cùng lúc thành Phật, chính là ý nghĩa này. Vì sao vậy? Vì cùng đồng một pháp thân, cùng đồng một thể tánh. Người giác ngộ thì sơn hà đại địa đều là tự thân, cùng với chính mình là một thể, cho nên quan tâm vô điều kiện, yêu thương vô điều kiện. Đây gọi là đại từ đại bi, cho nên câu thứ hai chính là “đại từ bi quang minh vân”. Phải nên hiểu được rằng Phật như thế, thì bản thân chúng ta cũng như thế. Phật hôm nay hiển hiện ra là bất khả tư nghị tự tánh quang minh vô lượng vô biên, còn chúng ta ngày nay thì hiển lộ ra là vô lượng vô biên vô minh phiền não, chúng ta đã làm thành ra như vậy, hoàn toàn trái ngược lại với tánh đức, biến thành một chúng sanh đáng thương tội nghiệp, cho nên tự mình phải giác ngộ, phải thật sự giác ngộ, tự mình phải hồi đầu. Phải thọ trì, đọc tụng, y giáo phụng hành, người này mới thật sự là hồi đầu. Vừa hồi đầu thì sẽ khởi tác dụng cảm ứng đạo giao với đại quang minh vân của Phật.

Thứ hai là:

“ĐẠI TỪ BI QUANG MINH VÂN”.

“Từ bi” là chúng ta phát tâm nương theo tứ hoàng thệ nguyện: “*Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”. Y theo cái gì để phát tâm? Y theo từ bi. Ba chữ “Quang Minh Vân” này chính là biểu đạt đức năng của chân tâm tự tánh viên mãn, bất nhĩ trí huệ vốn có. Chư Phật Bồ Tát (Bồ Tát ở đây là chỉ Pháp Thân Đại Sĩ), khi chưa chứng đắc pháp thân thì tánh đức này chưa hiển lộ, quang minh vân không có, họ có đại từ bi, không thể có thêm quang minh vân. Có quang minh vân thì ít nhất là Pháp Thân Đại Sĩ, phá một phẩm vô minh chứng một phần pháp thân, chân thật đồng tâm đồng nguyện, đồng đức đồng hạnh với Phật thì đã hiển lộ ra hết ở trong đoạn này. Đây là sự tương. Tứ hoàng thệ nguyện là từ ở đây mà phát. Bồ Tát Địa Tạng đã phát một cách viên mãn, phát được cứu cánh: “*Địa ngục bất không thệ bất thành Phật*”, từ bi đến cùng cực,

chúng sanh khổ nạn ở trong địa ngục Ngài đều muốn đi độ hết thì hưởng hồ là ai khác. Đây gọi là phổ độ chúng sanh chín pháp giới.

Khoảng thời gian sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ đến trước khi Bồ Tát Di Lặc giảng sanh, thời gian ở khoảng giữa này quá dài. Trong một thời gian lâu dài như vậy không có Phật xuất thế, cái khổ của chúng sanh chúng ta không có cách gì tương tượng được, Phật Bồ Tát lẽ nào không có tâm từ bi? Có chứ. Các Ngài làm sao? Ở trong khoảng thời gian này Phật đã đem sự nghiệp giáo hóa chúng sanh ủy thác hoàn toàn lại cho Bồ Tát Địa Tạng, khi Phật không còn tại thế thì Bồ Tát Địa Tạng chính là người đại diện cho Thích Ca Mâu Ni Phật. Thế Tôn không ủy thác cho một vị Bồ Tát nào khác, mà đem sự việc này ủy thác lại cho Bồ Tát Địa Tạng, từ đây có thể biết, sau khi Thế Tôn diệt độ và trước khi Di Lặc xuất thế thì dùng phương pháp gì để giáo hóa đối với hết thảy chúng sanh? Là “Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện”. Đây là sự phó chúc của Thế Tôn. Địa Tạng Bồ Tát tiếp nhận lời ủy thác của Thế Tôn, không phụ lòng của Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài đích thực là đã gánh vác lấy trách nhiệm này, lòng từ bi đã đến cùng cực. Chúng ta phải lấy “đại từ bi quang minh vân” phát khởi thượng cầu hạ hóa, phát Bồ Đề tâm độ chính mình và độ chúng sanh.

Thứ ba:

“ĐẠI TRÍ HUỆ QUANG MINH VÂN”.

Đây là chỗ mà người tu hành chúng ta cần y cứ. Bất luận là tu học pháp môn nào, không có trí huệ thì không thể thành tựu. Nhất định phải y theo trí huệ. Trí huệ là từ đâu mà đến? Xin nói với các vị, trí huệ nhất định không phải là do việc học hỏi và ghi nhớ mà có. Tôi nghe nhiều, đọc nhiều, ghi nhớ rất nhiều, đó là sự thông minh của thế gian, trong Kinh Phật gọi là thế trí biện thông. Thế trí biện thông là một trong tám nạn trên đường Phật đạo, bạn đã gặp nạn, vì sao vậy? Vì đã rơi vào trong sở tri chướng. Cái sở tri đó của bạn đã trở thành chướng ngại, chướng ngại bạn mình tâm kiến tánh, chướng ngại bạn đạt được định. Trí huệ là từ đâu đến? Trí huệ nhất định là từ trong thiền định mà có. Thiền định từ đâu mà có? Thiền định thì nhất định là từ trong việc trì giới mà có. Đây gọi là tam vô lậu học. Pháp môn Đại Thừa tuy rằng không xem trọng giới luật trên hình thức, Đại Thừa nói là tâm địa giới pháp, còn thù thắng hơn là hình thức nữa, phải thật làm. Thiền định là tâm thanh tịnh, sáu căn đối với cảnh giới sáu trần bên ngoài “ngoài không dính tướng, trong không động tâm”, đây gọi là thiền định chân thật. Chúng ta sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần vẫn còn bị cảnh giới bên ngoài cảm dỗ, vẫn còn khởi tâm động niệm thì xong rồi.

Người có công phu chân thật, chân thật tu hành thì dụng công khi nào? Chính là dụng công phu khi sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần. Chúng ta dùng công phu niệm Phật. Phương pháp này rất hay. Ý niệm vừa động liền A Di Đà Phật chuyển lại, liền chuyển thành A Di Đà Phật. Vào lúc này Giới Định Huệ tam học cùng lúc đều đầy đủ. Bạn có thể chuyển thì bạn thủ pháp, đây là trì giới. Nhìn thấy cảnh giới bên ngoài, thuận cảnh thì khởi tham ái, tâm tham vừa động liền A Di Đà Phật, chuyển nó trở lại, đây chính là trì giới. Nhìn thấy hoàn cảnh không được như ý, trong lòng không vui, A Di Đà Phật, cũng chuyển trở lại. Từ việc bạn có thể chuyển trở lại, tiếp nhận giáo huấn của Phật, Phật dạy chúng ta làm như vậy thì chúng ta làm như vậy, đó là trì giới. Sau khi chuyển trở lại rồi, đối với hết thảy cảnh giới không quan tâm để ý nữa, quay đầu lại mà niệm Phật, đây là tu định. Một lòng xung niệm A Di Đà Phật, huệ ở trong đó. Cho nên, không biết được sự thù thắng của pháp môn niệm Phật, bạn xem, một niệm hoàn thành, viên mãn đầy đủ Giới Định Huệ trong đó, sau đó xử sự đối người tiếp vật thì thiện ý tự nhiên sẽ sanh ra. Công phu tu hành của bạn sâu cạn sẽ không che giấu được một chút nào, đều biểu lộ ra hết trên gương mặt của bạn, trong âm thanh của bạn, trong mỗi cử động của bạn. Hiệu quả sự tu học của bạn thì sao lại ẩn giấu kia chứ? Trong ngoài như một. Việc tu dưỡng, ẩn giấu đối với người hạ trí của thế gian mà nói, người ngu si nhìn không ra được nên bị bạn gạt, người có trí huệ chân thật thì không giấu họ được, vừa tiếp xúc thì liền hiểu rõ. Cho nên “đại trí huệ” là chỗ nương dựa cho chúng ta tu hành.

Thứ tư:

“ĐẠI BÁT NHÃ QUANG MINH VÂN”.

Ý nghĩa của Bát Nhã và trí huệ có lúc tương đồng, nhưng mà hai chữ này khi nói cùng nhau thì ý nghĩa đương nhiên có sự khác biệt. “Bát Nhã” thì như trên “Kinh Bát Nhã” đã nói: “*Thực tướng Bát Nhã, quán chiếu Bát Nhã, văn tự Bát Nhã*”. Đại trí huệ nói ở phía trước chúng tôi giải thích thành huệ của Giới Định Huệ. Huệ thì nhất định bao gồm cả giới và định. Giới thì không nhất thiết có định, không nhất thiết có huệ, nhưng định thì nhất định có giới, định cùng giới, người có định thì sẽ không phạm giới, người có huệ gọi là đạo cùng giới, sự trì giới đó càng cao minh hơn. Cho nên huệ cũng giống như ba tầng lầu vậy, tầng thứ ba thì nhất định đã bao gồm hai tầng dưới, những tầng dưới thì không bao gồm tầng trên, giới không bao gồm được định, định không bao gồm huệ, định thì nhất định bao gồm giới, huệ nhất định bao gồm giới và định.

Bát Nhã ở chỗ này, chúng ta y theo cách nói ở trên “Kinh Bát Nhã”. Thực tướng Bát Nhã là thể, thực tướng vô tướng, cũng chính là vô phân biệt trí, thực trí, hết thấy pháp rõ ràng minh bạch, nhưng mà bên trong không có phân biệt. Phân biệt còn không có, thì làm gì có chấp trước chứ? Cho nên gọi là thực tướng Bát Nhã. Thực tướng chính là chân tướng, họ đã rõ ràng chân tướng, chúng ta nói hiểu rõ triệt để cứu cánh chân tướng vũ trụ nhân sanh, trí huệ như vậy là thực tướng Bát Nhã.

Khi thực tướng Bát Nhã khởi tác dụng gồm có hai loại: Tự thọ dụng và tha thọ dụng.

Tự thọ dụng là quán chiếu Bát Nhã. Chúng ta dùng lời hiện nay để nói, quán chiếu Bát Nhã chính là trải qua đời sống trí huệ cao độ, hoặc là giống như trên quả địa của các vị Pháp Thân Đại Sĩ, họ trải qua cuộc sống trí huệ viên mãn, tương ứng với Quang Minh Vân. Phàm phu chúng ta có thể trải qua cuộc sống trí huệ cao độ thì thật là hiếm có rồi, bạn mới hiểu được quán chiếu. Tổng cương lĩnh ở trong quán chiếu, ở trên “Kinh Kim Cang” Phật nói với chúng ta: “*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*”, cho nên đối với hết thấy tất cả pháp tướng, họ có thể không phân biệt, không chấp trước, có thể tùy duyên mà không phan duyên, cái gì cũng tốt, cái gì cũng tự tại, mỗi ngày đều sống thanh tịnh, vui sướng vô cùng, thích ứng trong mọi hoàn cảnh, phú quý thì có niềm vui của phú quý, bần hàn thì có niềm vui của bần hàn; phú quý, bần hàn là sự tướng, niềm vui là như nhau, là bình đẳng, đều sống rất viên mãn, đều sống vui vẻ. Đây là quán chiếu Bát Nhã, là thọ dụng của chính mình đối với chính mình.

Văn tự Bát Nhã chính là lợi tha, tha thọ dụng, giúp đỡ người khác. Trong văn tự thì đã bao gồm ngôn thuyết, hay nói cách khác, trong quán chiếu đã bao gồm sự tướng, chính là làm ra hình mẫu cho người khác xem, ngày nay chúng ta nói là thân giáo. Văn tự Bát Nhã là ngôn giáo. Từ đây mà biết, thực tướng Bát Nhã là ý giáo; thân, ngữ, ý đều là giáo hóa hết thấy chúng sanh, đều là đang giúp đỡ hết thấy chúng sanh. Tuy trong thực tướng nói là ý giáo, nhưng không có ý niệm về ý. Nếu có ý niệm về ý thì đó không phải là trí huệ Bát Nhã chân thật. Bát Nhã là tức tướng ly tướng, tức và ly đồng thời, đây mới có thể phá trừ hết thấy mê hoặc.

Thứ năm:

“ĐẠI TAM MUỘI QUANG MINH VÂN”.

“Tam Muội” là tiếng Phạn, chính là dịch từ âm của tiếng Ấn Độ, ý nghĩa là chính thọ, là thọ dụng bình thường. Phật nói với chúng ta, chúng sanh trong lục đạo mọi sự thọ

dụng đều không bình thường, mọi loại thọ dụng quy nạp thành năm loại lớn. Thân có hai loại: khổ thọ dụng và lạc thọ dụng. Khổ thì vô lượng vô biên, lạc cũng vô lượng vô biên, dùng hai loại lớn thì đã bao gồm hết. Tâm lý, chúng ta nói là tinh thần, phần nhục thể thì có khổ có vui hai loại, còn phần tâm lý thì có ưu có hỷ. Đây chính là bốn loại lớn. Còn một loại lớn nữa, đó là thân không có khổ lạc, trong tâm cũng không có ưu hỷ. Cái này rất hay, tình trạng như vậy gọi là xả thọ. Tổng cộng là năm loại lớn này. Xả thọ là rất tốt, nhưng thời gian rất ngắn, thời gian không dài, tạm thời thân xả khổ lạc, tâm xả ưu hỷ. Nếu xả thọ này có thể tiếp tục giữ được, thì gọi là Tam Muội, đó là thọ dụng bình thường, cho nên Tam Muội cũng gọi là thiên định, cũng dịch thành là Thiên định. Chư Phật Như Lai vĩnh viễn là xả thọ, cho nên khổ và lạc là tương đối, ưu và hỷ cũng là tương đối.

Tây Phương được gọi là Thế giới Cực Lạc, chúng ta luôn luôn dùng cách nghĩ sai lầm của mình để đi định nghĩa cái lạc ở Tây Phương, cho rằng “lạc” ở Tây Phương là lạc của khổ lạc thì sai rồi, không phải là lạc của khổ và lạc. Khổ và lạc đều xả hết thì đó là chân lạc. Cho nên đến Thế giới Tây Phương Cực Lạc thì năm loại thọ dụng khổ, lạc, ưu, hỷ, xả này đều không có, đó mới gọi là Thế giới Cực Lạc. Ý nghĩa này chúng ta phải nên biết.

“Đại Tam Muội” có thể phá hết thầy chướng ngại. Nhà khoa học hiện tại của chúng ta đã biết được thế gian này có rất nhiều rất nhiều chướng ngại. Ví dụ họ đã phát hiện ra không gian ba chiều, (chúng ta hiện tại đang sống trong không gian ba chiều), còn không gian bốn chiều, không gian năm chiều thì Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã xem báo cáo của các khoa học gia, ông nói các nhà khoa học đã khẳng định ít nhất có đến 11 chiều không gian đang tồn tại. Phật pháp mà nói thì không chỉ có như vậy. Chúng ta làm sao mà biết được? Vì chúng ta biết những không gian không đồng duy thứ này từ đâu mà ra. Chúng ta hiểu đạo lý này. Không gian không đồng, Phật nói với chúng ta, là do vọng tưởng phân biệt chấp trước biến hiện ra; chúng ta cũng biết được hết thầy chúng sanh vọng tưởng phân biệt chấp trước là vô lượng vô biên, cho nên thời gian và không gian cũng chính là có vô lượng vô biên chiều, làm gì mà chỉ có 10 chiều hay 20 chiều. Đây là thật không phải giả, cho dù là trong không gian ba chiều, là hoàn cảnh chúng ta sống hiện tại, bên trong vẫn có rất nhiều rất nhiều sự chướng ngại. Nói ba chiều, bốn chiều là nói rộng lớn bao quát, cũng giống như nhà Phật chúng ta nói thập pháp giới, chúng ta đem mỗi một pháp giới nói thành một chiều thì được 10 chiều, Nhất Chân Pháp Giới chính là chiều thứ 11, nhưng mà mỗi một pháp giới đều có rất nhiều rất nhiều, nói không hết. Giả sử bạn muốn đạt được Tam Muội, an trú ở trong

Tam Muội, vọng tưởng phân biệt chấp trước hết thảy đều đoạn dứt, thì những giới hạn này hết thảy sẽ đột phá. Công phu thiền định sâu cạn không như nhau, định nhỏ thì đột phá một tầng, hai tầng, định lớn thì lại có thể đột phá được nhiều tầng hơn. Tình hình này chúng ta biết rất rõ ràng.

Thế gian có một số người tu định. Có một vị lão tiên sinh đã kể tôi nghe, trong thời gian đại chiến thế giới lần thứ hai, ông ở tại Giang Tây. Ở Giang Tây có một vị đạo sĩ. Vị đạo sĩ này có thần thông, thực tế mà nói là có định công. Nơi ở của ông tương đối là trũng thấp, vị đạo sĩ này bảo ông nên mau dời nhà, nơi này mấy hôm nữa sẽ bị ngập nước. Vị đạo sĩ cũng ở gần đó, ông liền phái người đi xem xem vị đạo sĩ kia có dọn nhà hay không? Đạo sĩ mà dời nhà thì ông cũng dời. Quả nhiên không sai, trùng khớp với thời gian mà đạo sĩ nói, một chút dấu hiệu cũng không nhìn thấy, nhưng quả thực đã xảy ra lũ lụt bất ngờ, cả vùng đó đều bị nhấn chìm, cho nên ông hiểu là vị đạo sĩ kia là có thần thông. Qua một thời gian không lâu, vị đạo sĩ kia nói với ông, đạo sĩ nhìn thấy có một nơi sẽ bộc phát chiến tranh, nói cho ông nghe phương hướng và đại khái là cách đó bao nhiêu xa, đạo sĩ đã nhìn thấy. Vị lão tiên sinh này là một quân nhân, là một quan chức cao cấp trong quân đội, ông nói vị đạo sĩ này nói không đúng, ông không nghe nói qua, không có những tin tức như vậy. Kết quả trải qua ba tháng sau, người Nhật Bản đã đánh trận Trân Châu Cảng, đúng với phương hướng, tình trạng và cự ly mà vị đạo sĩ đã nói. Ba tháng trước thì đạo sĩ đã nhìn thấy được rồi. Có thể thấy được thời gian này thì quá khứ, hiện tại và vị lai đồng thời tồn tại. Đạo sĩ ấy chỉ là định nhỏ, không phải định lớn, ông có thể đột phá được thời gian ba tháng, sự việc trong vòng ba tháng đó ông có thể nhìn thấy được. Ông ở trên núi trong ngôi nhà nhỏ của mình, ông có thể nhìn thấy được Trân Châu Cảng cách xa nơi đó mấy nghìn dặm, có thể nhìn thấy được ở Hawaii, nhưng là định nhỏ. Hiện tại đang lưu thông quyển “Mật Mã Của Thánh Kinh”, ông có thể nhìn thấy được 3.000 năm sau, vậy thì định lực của vị này còn cao hơn vị đạo sĩ kia quá nhiều.

Vị đạo sĩ này chỉ có thể nhìn thấy được mấy tháng, mấy năm, chỉ có thể nhìn thấy được hoàn cảnh cách đó vài nghìn dặm. Còn cảnh giới Tam Muội thì bất khả tư nghị, có thể đột phá hết thảy chướng ngại. Như Lai đã đoạn hết vọng tưởng phân biệt chấp trước, cho nên năng lực của các Ngài viên mãn, tận hư không khắp pháp giới không gì không biết, không gì không thể. Chúng ta hiểu đạo lý này, thì những lời Phật nói chúng ta tin. Ngài nói là chân thật, không phải giả, Ngài đích thực là có năng lực này. Năng lực này các Ngài có, chúng ta cũng có. Ngày nay năng lực này của chúng ta mất

đi rồi, chính là vì chúng ta không có định, trong tâm ngày ngày vọng tưởng phân biệt chấp trước. Thiết thời là ở chỗ này. Chúng ta nhất định phải giác ngộ, phải hiểu rõ.

Tốt rồi, hôm nay chúng ta chỉ nói đến đây thôi, A Di Đà Phật!

Kinh Địa Tạng Bồ-tát Bản Nguyên Quyền thượng (tập 3)

Người giảng: Pháp Sư Tịnh Không

Địa Điểm: Tịnh Tông Học Hội Singapore

Thời gian: Tháng 5, năm 1998.

Cẩn dịch: Mộ Tịnh Cư Sĩ

Giám định phiên dịch: Vọng Tây Cư Sĩ